

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 31/03/2018

Hà Nội, Năm 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.036.898.162.124	1.032.717.090.861
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.445.611.538	44.585.322.189
1. Tiền	111		13.017.726.838	40.157.437.489
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.427.884.700	4.427.884.700
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	4.468.000.000	4.443.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.468.000.000	4.443.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		531.612.782.163	535.431.584.616
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	343.493.099.331	353.506.378.764
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	100.616.856.676	101.550.055.781
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		15.145.424.173	15.345.424.173
6. Các khoản phải thu khác	136	V.5	74.922.783.164	67.595.107.079
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.565.381.181)	(2.565.381.181)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	436.422.429.193	415.101.634.405
1. Hàng tồn kho	141		436.422.429.193	415.101.634.405
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		46.949.339.230	33.155.549.651
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	15.998.980.660	4.985.435.566
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.668.064.463	27.839.888.907
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.282.294.107	330.225.178
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.174.761.230.252	1.166.966.394.879
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.117.068.219	13.113.997.756
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	4.188.928.219	4.185.857.756
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	8.928.140.000	8.928.140.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
II. Tài sản cố định	220		454.792.708.691	470.029.862.381
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	453.738.658.951	468.887.203.369
- Nguyên giá	222		725.494.040.836	725.494.040.836
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(271.755.381.885)	(256.606.837.467)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.054.049.740	1.142.659.012
- Nguyên giá	228		3.157.129.360	3.157.129.360
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(2.103.079.620)	(2.014.470.348)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	38.191.444.302	34.328.685.958
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		38.191.444.302	34.328.685.958
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	663.889.448.791	644.769.537.679
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		209.896.355.778	205.762.429.565
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		457.555.653.013	442.569.668.114
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3.562.560.000)	(3.562.560.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.770.560.249	4.724.311.105
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	4.770.560.249	4.724.311.105
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.211.659.392.376	2.199.683.485.740

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.798.084.903.062	1.786.822.975.063
I. Nợ ngắn hạn	310		1.339.177.752.552	1.338.141.200.146
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	187.664.818.054	273.839.776.167
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	500.882.848.689	498.101.038.533
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	9.265.503.158	8.622.792.265
4. Phải trả người lao động	314		9.956.585.538	15.578.062.206
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	106.297.720.940	111.500.909.949
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.836.248.634	50.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	77.753.444.966	78.703.507.358
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	437.392.187.518	344.340.493.613
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.128.395.055	7.404.620.055
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		458.907.150.510	448.681.774.917
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.13	119.624.189.441	108.398.813.848
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18		
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	23.464.824.000	23.464.824.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	315.818.137.069	316.818.137.069
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19		
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		413.574.489.314	412.860.510.677
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	407.589.681.836	406.875.703.199
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.000.000.000	215.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.066.658.593	42.066.658.593
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		135.000.466.775	134.320.523.096
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		41.463.515.706	76.440.564.773
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		93.536.951.069	57.879.958.323
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		15.522.556.468	15.488.521.510
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		5.984.807.478	5.984.807.478
1. Nguồn kinh phí	431		5.984.807.478	5.984.807.478
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.211.659.392.376	2.199.683.485.740

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Quang Hùng



Lê Văn An

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/3/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 31/3/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/3/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	69.387.105.152	151.765.777.085
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2	12.555.600	121.272.350
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.3	69.374.549.552	151.644.504.735
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	59.757.055.472	143.992.563.493
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9.617.494.080	7.651.941.242
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	772.244.585	241.513.462
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	5.142.260.984	3.487.253.924
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.111.622.180	3.435.034.915
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		4.762.767.140	1.251.384.000
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	635.445.702	2.150.841.058
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	7.488.156.259	11.021.359.610
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26) + (24)}	30		1.886.642.860	(7.514.615.888)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	92.757.521	161.166.865
12. Chi phí khác	32	VI.9	71.610.137	169.204.505
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		21.147.384	(8.037.640)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.907.790.244	(7.522.653.528)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	103.878.180	218.661.582
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.803.912.064	(7.741.315.110)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.743.835.583	(7.978.913.849)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		60.076.481	237.598.739
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11		
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc




Lê Quang Hùng

Lê Văn An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/3/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 31/3/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/3/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.907.790.244	(7.522.653.528)
2. Điều chỉnh cho các khoản		14.813.764.145	17.626.269.674
- Khấu hao TSCĐ	02	15.237.153.690	14.684.132.221
- Các khoản dự phòng	03	-	1.000.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(17.255.138)	(13.380.913)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.517.756.587)	(1.479.516.549)
- Chi phí lãi vay	06	5.111.622.180	3.435.034.915
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.721.554.389	10.103.616.146
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	16.473.954.985	(69.323.104.607)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(21.320.794.788)	(54.538.948)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(92.652.508.332)	72.016.408.045
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(10.996.192.008)	(8.814.457.792)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.828.156.073)	(3.415.024.028)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(672.679.124)	(1.790.265.587)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	47.074.295	(2.067.667.544)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(356.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(103.583.746.656)	-3345034315
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.432.368.897)	(16.926.474.243)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	1.000.000.000	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(1.025.000.000)	5.541.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(14.985.984.899)	(64.414.025.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	164.971.758	1.433.212.237
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.278.382.038)	(74.366.287.506)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	222.508.662.355	191.504.856.571

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/3/2018

(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 31/3/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/3/2017
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(127.756.968.450)	(112.087.400.629)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(46.531.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	94.705.162.905	79.417.455.942
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(27.156.965.789)	1.706.134.121
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	44.585.322.189	67.002.039.964
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	17.255.138	13.380.913
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	17.445.611.538	68.721.554.998

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2018

Trưởng Giám đốc

Lê Quang Hùng



Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là xây lắp và chế tạo cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là:

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 5 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này, trừ công ty TNHH Thủy điện Bản Mông mới thành lập, chưa phát sinh nghiệp vụ kinh tế trong kỳ.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con phụ thuộc (có hình thức sở hữu vốn là công ty TNHH Một thành viên)

Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Mê Kông là công ty con phụ thuộc do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn, có trụ sở chính tại 117 – 119 Pasteur, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là mua bán, xuất nhập khẩu các loại máy, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ nông lâm ngư nghiệp và thủy lợi; thiết bị văn phòng. Tại ngày kết thúc kỳ kết toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

Công ty TNHH Thủy điện Bản Mông là công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn, có trụ sở chính tại Bản Mông, xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Tại ngày kết thúc kỳ kết toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại công ty con là 100%.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công ty con khác (có hình thức sở hữu vốn là công ty cổ phần)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	Tổ 21 Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	Xây dựng	70,10%	70,10%	70,10%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung	Xã Lương Sơn, Huyện Thường Xuân, Tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	92,68%	92,68%	92,68%
Công ty TNHH Điện Sông Mực	Thôn Xuân Lai, Xã Hải Vân, Huyện Như Thanh, Tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	90%	100%

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	Km Số 9, đường Ngọc Hồi, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	Cơ điện và xây dựng	46%	46%	46%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	Km 10, đường Nguyễn Trãi P.Thanh Xuân Bắc, Q.Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Cơ điện	25,58%	25,58%	46,39%
Công ty Cổ phần Đaksrong	Thị trấn Kơng Chro, huyện Kơng Chro, tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	38,57%	38,57%	40,21%
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	Số nhà 56, ngõ 102, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc	44,77%	44,77%	49,64%
Công ty TNHH Sản phẩm Thép AGRIMECO & JFE	Km 10, quốc lộ 1A, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh sản phẩm thép	50%	50%	50%
Công ty Cổ phần Agreeensteel-VN	Số 6 Nguyễn Công Trứ, P.Phạm Đình Hồ, Q.Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội	Vận chuyển, buôn bán vật liệu	30%	30%	30%

5c. Danh sách các Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1 ⁽ⁱ⁾	Phố Vũ, Đại Phúc, Tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh	Xây dựng công trình	29,28%	29,28%	29,28%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng ⁽ⁱ⁾	Số 20 đường Trần Nhật Duật, Phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định	Xây dựng công trình	27,11%	27,11%	27,11%
Công ty Cổ phần Xây dựng 26 ⁽ⁱ⁾	24A Nguyễn Cư Trinh, Phường Thuận Hòa, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng công trình	47,2%	47,2%	47,2%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 ⁽ⁱ⁾	220 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ khí và xây lắp	28,95%	28,95%	44,45%
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18 ⁽ⁱ⁾	60 Văn Cao, Phường Văn Miếu, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Xây dựng công trình	20%	20%	20%
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Đông Dương ⁽ⁱ⁾	Số 55 Trần Nhật Duật, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ điện và xây dựng	40%	40%	40%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 ⁽ⁱ⁾	Tầng 2, tòa nhà Vinamilk, số 4, đại lộ Lê Nin, Phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Xây dựng	36,18%	36,18%	36,18%
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh ⁽ⁱ⁾	Bán Chuông, Xã Lục Hồn, Huyện Bình Liêu, Tỉnh Quảng Ninh	Đầu tư dự án thủy điện	50%	50%	50%
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo ⁽ⁱ⁾	Km 18 Quốc Lộ 5A, TT Như Quỳnh, Thị trấn Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Hưng Yên	Đầu tư dự án khu công nghiệp cơ khí năng lượng	46%	46%	46%

⁽ⁱ⁾ Tổng Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 của các đơn vị này.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tổng Công ty ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trong các trường hợp nêu tại thuyết minh I.5c.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được phê duyệt. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại Tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tổng Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nếu trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả Trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực Tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.051.590.297	2.460.033.331
Tiền gửi ngân hàng	9.966.136.541	37.697.404.158
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	4.427.884.700	4.427.884.700
Cộng	<u>17.445.611.538</u>	<u>44.585.322.189</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (ngắn hạn)	4.468.000.000	4.468.000.000	4.443.000.000	4.443.000.000

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận và các phát sinh sau ngày đầu tư		Giá gốc	Lợi nhuận và các phát sinh sau ngày đầu tư	
		Cộng	Trừ		Cộng	Trừ
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	11.040.000.000	2.748.734.876	13.788.734.876	11.040.000.000	2.725.091.373	13.765.091.373
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	7.236.191.473	(7.236.191.473)	-	7.236.191.473	(7.236.191.473)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	2.439.680.000	(339.140.045)	2.100.539.955	2.439.680.000	(339.140.045)	2.100.539.955
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	7.079.880.000	1.477.242.322	8.557.122.322	7.079.880.000	1.477.242.322	8.557.122.322
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	9.357.100.000	1.709.941.481	11.067.041.481	9.357.100.000	1.771.991.868	11.129.091.868
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	6.667.000.000	7.556.834.802	14.223.834.802	6.667.000.000	7.556.834.802	14.223.834.802
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	600.000.000	(600.000.000)	-	600.000.000	(600.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Đông Dương	2.600.000.000	792.445.436	3.392.445.436	2.600.000.000	792.445.436	3.392.445.436
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	1.896.036.596	1.896.036.596	1.896.036.596	1.896.036.596	1.896.036.596	1.896.036.596
Công ty Cổ phần Đaksrong	27.000.000.000	61.361.188.021	88.361.188.021	27.000.000.000	56.563.559.468	83.563.559.468
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	14.892.300.000	18.072.816.415	32.965.116.415	14.892.300.000	17.071.773.857	31.964.073.857
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	1.200.000.000	(561.391.597)	638.608.403	1.200.000.000	26.193.416	1.226.193.416
Công ty TNHH Sản phẩm Thép AGRIMECO & JFE	22.125.000.000	(2.981.676.704)	19.143.323.296	22.125.000.000	(1.942.923.702)	20.182.076.298
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	7.508.253.216	7.508.253.216	7.508.253.216	7.508.253.216	-	7.508.253.216
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	3.713.680.000	2.540.430.958	6.254.110.958	3.713.680.000	2.540.430.958	6.254.110.958
Cộng	125.355.121.285	84.541.234.492	209.896.355.777	125.355.121.285	80.407.308.280	205.762.429.565

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

⁽ⁱ⁾ Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư sau không thay đổi so với số đầu năm:

Tên Công ty	Số Cổ phần	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	1.104.000	46,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	723.619	36,18%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	243.968	27,11%
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	707.988	47,20%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	935.710	46,39%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	888.933	44,55%
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	60.000	20,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Đông Dương	260.000	40,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	189.604	50,00%
Công ty Cổ phần Đaksrông	3.780.000	40,21%
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	1.489.230	49,64%
Công ty Cổ phần Agreensteel – Việt Nam	120.000	30,00%
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	750.825	46,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	517.480	29,28%

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng VN	1.723.110.000	(513.910.000)	1.723.110.000	(513.910.000)
Công ty Agromas – Việt Nam	3.048.650.000	(3.048.650.000)	3.048.650.000	(3.048.650.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Công trình Miền Trung	5.000.000.000		5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex	29.691.280.000		29.691.280.000	
Công ty Cổ phần Nồi hơi Việt Nam	4.665.700.000		4.665.700.000	
Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng và Hợp tác lao động	384.317.176		384.317.176	
Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Quảng Nam	183.542.595.837		168.556.610.938	
Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Nghệ Tĩnh	229.500.000.000		229.500.000.000	
Cộng	457.555.653.013	(3.562.560.000)	442.569.668.114	(3.562.560.000)

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để thế chấp

Tổng Công ty đã dùng 2.969.128 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Vinaconex để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 1

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	523.508.310	4.662.845.067
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	83.078.436	83.078.436
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	281.469.000	281.469.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	15.790.919	573.663.433
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	112.767.200	112.767.200

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Đaksong	1.800.000	1.800.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	28.602.755	3.609.162.952
Công ty TNHH Sản phẩm Thép AGRIMECO & JFE		904.046
Phải thu các khách hàng khác	342.969.591.021	348.843.533.697
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	5.026.272.582	5.026.272.582
Ban quản lý Dự án Thủy điện 7	5.406.061.755	5.406.061.755
Ban quản lý Dự án Thủy điện Sông Bung 2	26.335.212.667	25.992.714.667
Power Machines	209.186.579.802	218.805.329.817
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	1.729.821.120	6.802.689.766
Các khách hàng khác	95.285.643.095	86.810.465.110
Cộng	343.493.099.331	353.506.378.764
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn		
4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	31.537.352.020	33.161.725.560
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	13.429.176.774	15.053.550.314
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	13.679.420.324	13.679.420.324
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	3.800.000.000	3.800.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	285.503.822	285.503.822
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	343.251.100	343.251.100
Trả trước cho các người bán khác	72.879.504.656	68.388.330.221
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Sản phẩm Công nghiệp Quốc tế	17.159.292.930	17.159.292.930
Công ty TNHH Kỹ thuật thương mại Balkan	15.510.923.371	15.979.750.608
Các nhà cung cấp khác	36.409.288.355	35.249.286.683
Cộng	100.616.856.676	101.550.055.781
4b. Trả trước cho người bán dài hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	4.185.857.756	4.185.857.756
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	4.070.016.938	4.070.016.938
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	115.840.818	115.840.818
Trả trước cho người bán khác	3.070.463	-
Cộng	4.188.928.219	4.185.857.756
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	15.145.424.173	15.345.424.173
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Nghệ Tĩnh	13.800.000.000	13.800.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	530.000.000	730.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	815.424.173	815.424.173
Cộng	15.145.424.173	15.345.424.173

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	28.526.252.137	(282.008.676)	27.072.504.262	(282.008.676)
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	3.290.314		87.102.206	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	19.807.961.865		19.807.961.865	
Công ty cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	25.511.699		791.318.075	
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi I	218.827.111		218.827.111	
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	6.190.637.591		4.140.317.591	
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	103.476.450		503.476.450	
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	74.640.000		74.640.000	
Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng 18	280.738.987		280.738.987	
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện Xây dựng Đông Dương	216.578.807		216.578.807	
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	26.018.752		26.018.752	
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	295.965.481	(282.008.676)	282.008.676	(282.008.676)
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Nghệ Tĩnh	1.282.605.080		643.192.283	
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam			323.459	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	46.396.531.027	(935.446.229)	40.522.602.817	(935.446.229)
Tạm ứng	18.954.465.381	(624.530.177)	19.296.485.989	(624.530.177)
Ký cược, ký quỹ	2.600.688.996		1.519.932.391	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	24.841.376.650	(310.916.052)	19.706.184.437	(310.916.052)
Cộng	74.922.783.164	(1.217.454.905)	67.595.107.079	(1.217.454.905)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mông ⁽ⁱ⁾	8.605.700.000	8.605.700.000
Ký cược, ký quỹ khác	322.440.000	322.440.000
Cộng	8.928.140.000	8.928.140.000

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Là khoản ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mòng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An theo thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 141/TT-SKHĐT ngày 10 tháng 11 năm 2017.

7. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu sau đây đều có thời gian quá hạn trên 3 năm:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	589.496.428		589.496.428	
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	282.008.676		282.008.676	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	281.469.000		281.469.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	26.018.752		26.018.752	
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.057.479.453	81.594.700	2.057.479.453	81.594.700
Công ty Lắp máy Điện nước	210.000.000		210.000.000	
Sở Nông nghiệp tỉnh Hòa Bình - Lào	220.171.590		220.171.590	
Ban Quản lý Dự án Xây dựng huyện Kim Sơn	158.068.000		158.068.000	
Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai	266.677.400	81.594.700	266.677.400	81.594.700
Xưởng Cơ khí Năm Râu - TR Công Nam	16.559.500		16.559.500	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.186.002.963		1.186.002.963	
Cộng	2.646.975.881	81.594.700	2.646.975.881	81.594.700

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	2.565.381.181	1.552.217.000
Trích lập dự phòng bổ sung		1.075.073.326
Hoàn nhập dự phòng		(61.909.145)
Số cuối năm	2.565.381.181	2.565.381.181

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	192.179.029		178.339.053	
Nguyên liệu, vật liệu	105.495.413.740		95.633.572.721	
Công cụ, dụng cụ	682.877.863		755.003.850	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	191.860.713.113		172.766.648.295	
Thành phẩm	2.321.646.031		2.321.646.031	
Hàng hóa	135.869.599.417		143.446.424.455	
Cộng	436.422.429.193		415.101.634.405	

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	165.138.035	107.711.507
Chi phí bảo hiểm	97.657.062	172.932.730
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	15.736.185.563	4.704.791.329
Cộng	<u>15.998.980.660</u>	<u>4.985.435.566</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	466.330.329	1.674.265.026
Lợi thế thương mại khi xác định giá trị doanh nghiệp, cổ phần hóa	2.171.044.480	2.277.467.923
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.133.185.440	772.578.156
Cộng	<u>4.770.560.249</u>	<u>4.724.311.105</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	157.861.697.329	325.603.880.086	240.529.387.217	991.891.591	507.184.613	725.494.040.836
Số đầu năm	-	-	-	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	159.705.548.405	323.456.878.476	240.307.024.217	996.642.953	1.027.946.785	725.494.040.836
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	63.228.244.316	118.467.533.867	73.532.982.592	945.650.123	432.426.569	256.606.837.467
Khấu hao trong kỳ	2.018.806.343	7.461.140.455	5.641.189.631	21.312.186	6.095.802	15.148.544.418
Số cuối năm	65.235.917.158	125.514.098.590	79.099.321.437	946.760.156	959.284.543	271.755.381.885
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	94.633.453.013	207.136.346.219	166.996.404.625	46.241.468	74.758.044	468.887.203.369
Số cuối kỳ	94.469.631.247	197.942.779.886	161.207.702.780	49.882.797	68.662.242	453.738.658.951

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	3.157.129.360	2.014.470.348	1.142.659.012
Mua trong kỳ	0		
Khấu hao trong kỳ		88.609.272	
Giảm khác			
Số cuối kỳ	3.157.129.360	2.103.079.620	1.054.049.740

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	129.892.400		129.892.400
<i>Tài sản phục vụ Công trình vietinbank</i>	<i>129.892.400</i>		<i>129.892.400</i>
Xây dựng cơ bản dở dang	34.198.793.558	3.862.758.344	38.061.551.902
<i>Nhà phun bi</i>	<i>1.812.827.974</i>	<i>6.481.187</i>	<i>1.819.309.161</i>
<i>Cầu trục 32 Tấn - 10CT32T</i>	<i>590.924.836</i>		<i>590.924.836</i>
<i>Công trình Bán Móng</i>	<i>326.378.727</i>	<i>535.995.325</i>	<i>862.374.052</i>
<i>Trạm thủy điện Dốc Cáy</i>	<i>31.468.662.021</i>	<i>3.320.281.832</i>	<i>34.788.943.853</i>
Cộng	34.328.685.958	3.862.758.344	38.191.444.302

13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>27.146.997.721</i>	<i>53.061.835.325</i>
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	4.502.142.172	17.058.479.126
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.551.076.904	1.551.076.904
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	2.909.244.613	2.826.790.763
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	8.903.492.565	11.903.792.565
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	1.587.327.847	2.587.427.847
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	3.362.418.000	3.362.418.000
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	292.429.736	292.429.736
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	4.038.865.884	13.479.420.384
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>160.517.820.333</i>	<i>220.777.940.842</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hóa Quốc tế IPC	28.535.182.180	48.219.187.416
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại Balkan	6.752.079.043	8.745.882.747
John Deere Asia Singapore Pte Ltd	4.143.957.199	23.791.927.365
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng xanh	4.398.114.314	4.398.114.314
Andritz Group	181.880.000	181.880.000
Các nhà cung cấp khác	116.506.607.597	135.440.949.000
Cộng	187.664.818.054	273.839.776.167

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	49.388.258.007	49.388.258.007
Công ty Cổ phần Thiết bị cơ điện và Xây dựng	11.616.612.028	11.616.612.028
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	4.737.777.024	4.737.777.024
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	12.863.300.378	12.863.300.378
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	2.281.136.303	2.281.136.303
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây lắp 276		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	17.889.432.274	17.889.432.274
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	70.235.931.434	59.010.555.841
Công ty Cổ phần Agromas	3.565.932.467	3.565.932.467
Công ty Cổ phần Tư vấn và XDCT Miền Trung	3.847.480.960	3.847.480.960
Các nhà cung cấp khác	62.822.518.007	51.597.142.414
Cộng	119.624.189.441	108.398.813.848

Tổng Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	56.699.515.721	54.699.515.721
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	51.591.777.500	51.591.777.500
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Nghệ Tĩnh	5.107.738.221	3.107.738.221
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	444.183.332.968	443.401.522.812
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	414.435.520.674	429.065.937.146
Các khách hàng khác	29.747.812.294	14.335.585.666
Cộng	500.882.848.689	498.101.038.533

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>			<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.528.925.242	5.806.818	2.248.388.282	1.189.050.939		3.573.690.314	5.806.818
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		14.572.271					
Thuế xuất, nhập khẩu		109.701.829	226.767.862	356.363.658			239.297.625
Thuế thu nhập doanh nghiệp	244.600.567	189.713.743	103.878.180	879.231.775		219.104.496	939.571.267
Thuế thu nhập cá nhân	596.775.689	10.430.517	119.825.883	699.442.267		99.166.003	94.618.396
Thuế tài nguyên	148.710.388						
Thuế nhà đất	278.660.000						
Tiền thuê đất	822.070.531		80.467.950	5.000.000		1.176.198.481	
Các loại thuế khác	1.000.000		9.000.000	12.000.001		1.000.000	3.000.001
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.002.049.848		1.814.028.976	1.768.445.348		4.196.343.864	
Cộng	8.622.792.265	330.225.178	4.602.357.133	4.909.533.988		9.265.503.158	1.282.294.107

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	11.375.114.493	9.282.794.737
Trích trước chi phí công trình	92.648.672.199	101.490.204.954
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.273.934.248	727.910.258
Cộng	<u>106.297.720.940</u>	<u>111.500.909.949</u>

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>8.176.698.935</i>	<i>8.133.590.601</i>
Phải trả thù lao HĐQT, BKS	346.108.334	303.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	4.994.740.892	4.994.740.892
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	2.835.849.709	2.835.849.709
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>69.576.746.031</i>	<i>70.569.916.757</i>
Kinh phí công đoàn	613.773.034	1.295.100.648
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.837.631.975	2.850.479.858
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.811.563.945	6.860.443.945
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	60.313.777.077	59.563.892.306
Cộng	<u>77.753.444.966</u>	<u>78.703.507.358</u>

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>23.464.824.000</i>	<i>23.464.824.000</i>
Phải trả các cá nhân góp vốn tại công ty:	21.082.710.000	21.082.710.000
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp 276</i>	<i>2.324.000.000</i>	<i>2.324.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện</i>	<i>1.461.810.000</i>	<i>1.461.810.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đaksrông</i>	<i>1.100.000.000</i>	<i>1.100.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi</i>	<i>4.196.900.000</i>	<i>4.196.900.000</i>
<i>Góp vốn vào Dự án Thủy điện Bản Mòng</i>	<i>12.000.000.000</i>	<i>12.000.000.000</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	2.332.114.000	2.332.114.000
Cộng	<u>23.464.824.000</u>	<u>23.464.824.000</u>

Tổng Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	106.800.000.000	
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	16.800.000.000	
Công ty Cổ phần Đaksrông	50.000.000.000	
Vay Công ty Cổ phần cơ khí và xây lắp 276	40.000.000.000	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	325.651.473.518	309.191.779.613
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Hồng Bàng	4.491.135.823	27.393.032.017
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	293.310.793.251	251.296.712.434
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương	9.264.630.990	13.057.671.708
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 3 TP. Hồ Chí Minh	1.140.550.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	17.444.363.454	17.444.363.454
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	4.940.714.000	4.916.314.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>		30.232.400.000
Cộng	437.392.187.518	344.340.493.613

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn bên liên quan</i>	68.400.000.000	68.400.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đaksrông	10.400.000.000	10.400.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	40.000.000.000	40.000.000.000
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	170.581.262.069	171.581.262.069
<i>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	76.836.875.000	76.836.875.000
Cộng	315.818.137.069	316.818.137.069

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	7.404.620.055
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	
Tăng khác	
Chi quỹ	276.225.000
Số cuối kỳ	7.128.395.055

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	215.000.000.000	34.630.776.483	103.946.939.585	17.243.341.330	370.821.057.398
Lợi nhuận trong năm trước			55.405.873.575	1.729.692.748	57.135.566.323
Giảm vốn (*)			-	(3.220.000.000)	(3.220.000.000)
Trích lập các quỹ		7.384.149.197	(12.957.004.455)	(386.049.764)	(5.958.905.022)
Chia cổ tức			(12.900.000.000)		(12.900.000.000)
Giảm khác		51.732.913	824.714.391	121.537.196	997.984.500
Số dư cuối năm trước	215.000.000.000	42.066.658.593	134.320.523.096	15.488.521.510	406.875.703.199
Số dư đầu năm nay	215.000.000.000	42.066.658.593	134.320.523.096	15.488.521.510	406.875.703.199
Lợi nhuận trong kỳ			1.743.835.583	60.076.481	1.803.912.064
Tăng khác			(628.840.927)		(628.840.927)
Trích lập các quỹ					
Chia cổ tức, lợi nhuận					
Giảm khác			(435.050.977)	(26.041.523)	(461.092.500)
Số dư cuối kỳ này	215.000.000.000	42.066.658.593	135.000.466.775	15.522.556.468	407.589.681.836

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.500.000	21.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>21.500.000</i>	<i>21.500.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.500.000	21.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>21.500.000</i>	<i>21.500.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Nguồn kinh phí

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	5.984.807.478	6.010.307.478
Chi sự nghiệp		(25.500.000)
Số cuối kỳ	<u>5.984.807.478</u>	<u>5.984.807.478</u>

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**22a. Tài sản nhận giữ hộ**

Là vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ của Ban Quản lý Thủy lợi 3 của Bộ Nông Nghiệp phục vụ dự án Vân Đình có giá trị sổ sách tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 là 2.406.621.066 VND

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	62.563,23	4.953,83
Euro (EUR)	12.691,23	3.193,62

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017</u>
Doanh thu hợp đồng cơ khí	28.580.748.859	33.131.761.533
Doanh thu bán điện	18.082.170.320	11.950.256.727
Doanh thu bán hàng hóa	16.546.614.008	101.989.809.033
Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.694.257.612	4.047.382.727
Doanh thu cung cấp dịch vụ	483.314.353	646.567.065
Cộng	<u>69.387.105.152</u>	<u>151.765.777.085</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
Giá vốn hợp đồng cơ khí	35.602.747.902	44.850.606.002
Giá vốn bán điện	4.704.493.408	4.052.660.120
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.542.770.932	90.778.984.187
Giá vốn hợp đồng xây dựng	5.723.126.113	3.925.961.245
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	183.917.117	384.351.939
Cộng	59.757.055.472	143.992.563.493

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
Lãi tiền gửi ngân hàng	754.989.447	225.132.237
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	17.255.138	3.000.312
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13.380.913
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	772.244.585	241.513.462

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
Chi phí lãi vay	5.111.622.180	3.435.034.915
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Chi phí tài chính khác	30.638.804	52.219.009
Cộng	5.142.260.984	3.487.253.924

6. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
Chi phí vật liệu, bao bì		18.810.000
Chi phí bảo hành	8.795.433	796.988.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	430.059.159	301.130.216
Chi phí bằng tiền khác	196.591.110	1.033.911.885
Cộng	635.445.702	2.150.841.058

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
Chi phí cho nhân viên	2.514.218.781	2.746.743.169
Chi phí vật liệu quản lý	140.468.097	1.705.478.710
Chi phí khấu hao tài sản cố định	842.935.591	468.011.897
Thuế, phí và lệ phí	93.391.577	93.384.450
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi		131.747.220
Chi phí thuê đất	1.704.850.891	
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	326.734.834	2.925.734.615
Các chi phí khác	1.865.556.488	2.950.259.549
Cộng	7.488.156.259	11.021.359.610

8. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
Thu thanh lý công cụ, dụng cụ		
Thu tiền bảo hành, demo, hội nghị TTC	60.264.838	
Thu nhập khác	32.492.683	161.166.865
Cộng	92.757.521	161.166.865

9. Chi phí khác

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
Lãi phạt chậm nộp Bảo hiểm	29.646.246	
Lỗ thanh lý TSCĐ		
Chi phí khác	41.963.891	169.204.505
Cộng	71.610.137	169.204.505

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1
Công ty Cổ phần Xây dựng 26
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Đông Dương
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh
Công ty Cổ phần Đaksrong

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam
Công ty TNHH Sản phẩm Thép AGRIMECO & JFE
Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Quảng Nam
Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Nghệ Tĩnh

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên doanh
Bên liên quan khác
Bên liên quan khác

Lập, ngày 20 tháng 6 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Quang Hưng

Lê Văn An